

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vĩnh Lộc
và các xã phụ cận, huyện Vĩnh Lộc**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng; số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 và số 437/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vĩnh Lộc và các xã phụ cận, huyện Vĩnh Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8793/SXD-HĐXD ngày 13/12/2023 về việc phê duyệt dự án Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vĩnh Lộc và các xã phụ cận, huyện Vĩnh Lộc (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vĩnh Lộc và các xã phụ cận, huyện Vĩnh Lộc với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vĩnh Lộc và các xã phụ cận, huyện Vĩnh Lộc.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc.

4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế công trình giao thông Thanh Hóa.

5. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn thị trấn Vĩnh Lộc và 02 xã: Vĩnh Phúc, Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

7. Số bước thiết kế: 02 bước.

8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 8499/SXD-HĐXD ngày 04/12/2023.

9. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư đồng bộ hệ thống tiêu thoát nước thị trấn Vĩnh Lộc và các xã phụ cận, nhằm đáp ứng khả năng tiêu thoát nước cho khu vực; đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan; góp phần nâng cao đời sống người dân, phát triển du lịch và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

10. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

10.1. Quy mô đầu tư: Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước bằng bê tông và bê tông cốt thép, gồm 14 tuyến; nạo vét, khơi thông dòng chảy các tuyến mương đất hiện có (10 tuyến), đảm bảo thoát nước khu vực và dòng chảy thông thoáng.

10.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

Khu vực tiêu của Dự án được chia thành 3 lưu vực

a) Lưu vực 1 gồm các tuyến rãnh, cụ thể:

- Tuyến rãnh số 01:

+ Khu vực đầu 2 cống ngang qua Quốc lộ 45 (QL.45) lý trình Km36+750: Đây là khu vực tập trung nước từ trong làng đổ ra mương thủy lợi rồi tiêu qua 2 cống bản Kđ=1,0 m.

Giải pháp thiết kế: Hai đầu cống được bố trí hố thu (thăm) để thu nước rãnh dọc QL.45 đồng thời thay thế hai đoạn rãnh nối từ mương thủy lợi dọc đến đầu cống bằng rãnh xây có nắp dẹt kích thước thông thủy BxH=1,0x1,0 m, đặt trên lớp móng đá dăm tiêu chuẩn dày 10 cm.

Kết cấu rãnh: Đáy rãnh bê tông M200 đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm. Mũ mố BTCT M250 cao 23 cm. Tấm đan BTCT M250 dày 12 cm.

+ Đoạn mương thủy lợi từ đường ngang vào thôn theo hướng đi Thị trấn: Chiều dài L=16 m thiết kế rãnh kín, thành rãnh bê tông M200 đổ tại chỗ dày 25 cm. Tấm đan BTCT M250 dày 12 cm.

- Tuyến rãnh số 02: Tuyến từ làng Hà Lương (nay là khu phố Hà Lương, thị trấn Vĩnh Lộc) đến QL.45 (Km36+136.94) có chiều dài $L=271,47$ m. Đây là tuyến thu nước khu vực khu phố Hà Lương đổ về sông Bưởi qua QL.45 bằng cống bản $Kđ=1,0$ m. Điểm đầu là đầu rãnh đất ngã 3 khu phố Hà Lương. Điểm cuối nối vào cống bản $Kđ=1,0$ m trên QL.45 tại Km36+136,94.

Kết cấu: Rãnh hộp BTCT đúc sẵn M250, kích thước thông thủy $B \times H=0,8 \times 0,8$ m, trên lớp bê tông M150 dày 10 cm.

- Tuyến rãnh số 03: Tuyến dọc sau phía Tây Thị trấn nối từ nhà văn hóa đa năng thị trấn Vĩnh Lộc đến cống chào khu phố Hà Lương rồi đổ ra sông Bưởi qua QL.45 bằng hệ thống cống bản $Kđ=1,0$ m. Đây là tuyến mương dọc chủ yếu thu nước ở khu vực phía Tây Thị trấn tuyến qua khu quy hoạch dân cư thị trấn Vĩnh Lộc. Đầu tư nạo vét thông thoáng dòng chảy với chiều dài $L=634,60$ m.

- Tuyến rãnh số 04: Tuyến mương ngang trước nhà thi đấu đa năng xã Vĩnh Thành có chiều dài $L=96,80$ m. Điểm đầu nối với mương xây tại đầu cống chạy dọc thuộc khu phố Giáng, thị trấn Vĩnh Lộc. Điểm cuối nối vào đầu tuyến số 3.

Kết cấu: Rãnh hộp BTCT đúc sẵn M250, kích thước thông thủy $B \times H=0,8 \times 0,8$ m, trên lớp bê tông M150 dày 10 cm.

- Tuyến mương số 06: Tuyến mương từ cống chào Thị trấn qua cánh đồng dẫn nước tiêu thoát vào hồ rồi đổ sông Bưởi qua cống tròn D1500. Tuyến có chiều dài $L=864,52$ m. Điểm đầu là cống bản $Kđ=1,0$ m ngang QL.45 là điểm thoát của tuyến cống số 03. Điểm cuối vào khu ao, hồ chứa nước khu nhà máy gạch Vĩnh Hòa.

Giải pháp thiết kế: Đoạn mương hiện tại từ Km0 đến Km0+100 m hai bên là dân cư Thị trấn thiết kế mương hộp BTCT đúc sẵn kích thước thông thủy: $1,0 \times 1,0$ m. Đoạn Km0+100 - Km0+864,52 mương thu nước hai bên theo tính toán khẩu độ cống hộp được mở rộng với kích thước thông thủy $B \times H=1,5 \times 1,5$ m.
Kết cấu:

+ Mương hộp BTCT $1,0 \times 1,0$ m là BTCT đúc sẵn M250, thành và đáy mương bê tông M250 dày 18 cm, đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm. Tấm đan BTCT M250 dày 12 cm.

+ Mương hộp BTCT $1,5 \times 1,5$ m là BTCT M250 đổ tại chỗ, dày 18 cm. đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm.

- Tuyến mương số 07: Có chiều dài $L=807,8$ m. Điểm đầu nối vào rãnh dọc QL.45 (Km35+599). Điểm cuối vào khu ao, hồ chứa nước khu nhà máy gạch Vĩnh Hòa.

Đoạn đầu từ QL.45 đến khu dân cư quy hoạch mới, được thiết kế mương chịu lực BxH=0,8x0,80 m. Kết cấu: Đáy, thành rãnh BTCT M250 dày 18 cm. Nắp rãnh BTCT M250 dày 18 cm. Đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10 cm.

Đoạn còn lại thiết kế mương hộp BTCT đúc sẵn kích thước thông thủy: 1,0x1,0 m. Kết cấu: là BTCT đúc sẵn M250, thành và đáy mương bê tông M250 dày 18 cm, đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm. Tấm đan BTCT M250 dày 12 cm.

b) Lưu vực 2 gồm các tuyến rãnh, cụ thể:

- Tuyến rãnh số 05: Tuyến mương ngang có chiều dài L=96,41 m. Điểm đầu tại cổng chào làng Nhân Lộ. Điểm cuối nối vào rãnh dọc của QL.45 tại lý trình Km35+498. Rãnh hộp BTCT đúc sẵn M250, kích thước thông thủy BxH=0,8x0,8 m.

Kết cấu: Đáy, thành rãnh BTCT M250 dày 18 cm. Nắp rãnh BTCT M250 dày 12 cm. Đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10 cm.

- Tuyến rãnh số 08: Tuyến mương trước Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Lộc, tuyến có chiều dài L=501,88 m. Điểm đầu tiếp giáp đầu cống tròn D100 thuộc QL.217. Điểm cuối đổ vào cống hộp 2,0x2,0 m của tuyến 12. Đầu tư nạo vét và đắp bờ những đoạn bị sạt lở theo hiện trạng.

- Tuyến rãnh số 09: Điểm đầu tuyến nối vào hệ thống rãnh dọc QL.217 (Km28+040). Điểm cuối nối vào cống hộp 1,5x1,5 m tuyến rãnh số 10 (Lý trình km0+138); tuyến có chiều dài L=306,93 m. Đầu tư nạo vét thông thoáng dòng chảy theo hiện trạng.

- Tuyến rãnh số 10: Có chiều dài L=454,1 m. Điểm đầu đầu nối vào rãnh bên phải QL.217 trung tâm Thị trấn, lý trình Km28+150. Điểm cuối đầu nối vào tuyến rãnh số 12 .

Đoạn từ Km0+00 - Km0+147,37 rãnh thu nước từ rãnh dọc QL.217 rãnh có kích thước thông thủy BxH= 0,8x0,8 m. Đoạn từ Km0+147,37 đến cuối tuyến rãnh có chức năng thu nước hai bên khu dân cư nên rãnh được mở rộng kích thước thông thủy 1,5x1,5 m. Kết cấu:

+ Rãnh hộp BTCT 0,8x0,8 m là BTCT đúc sẵn M250, thành và đáy rãnh bê tông M250 dày 18 cm, đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm. Tấm đan BTCT M250 dày 12 cm.

+ Rãnh hộp BTCT 1,5x1,5 m là BTCT M250 đổ tại chỗ, thành và đáy rãnh bê tông M250 dày 18 cm; đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm .

- Tuyến rãnh số 11: Có chiều dài L=226,92 m. Điểm đầu nối vào đầu cống bản Kđ=0,75, thu nước rãnh dọc của làng Bái Xuân, xã Vĩnh Phúc. Điểm cuối là

cống tròn D100 giao với tuyến mương số 17 tại lý trình Km0+365,0. Rãnh có kích thước thông thủy BxH=1,0x1,0 m.

Kết cấu: Rãnh bằng BTCT đúc sẵn M250, thành và đáy rãnh dày 18 cm, đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm. Tấm đan BTCT M250 dày 12 cm.

- Tuyến rãnh số 12: Có chiều dài L=605,91 m. Điểm đầu đầu nối cuối tuyến cống hộp 1,5x1,5 m số 10 (Km0+454,10). Điểm cuối nối vào cống tiêu qua đường đôi QL.45 nối QL.217 (thôn 8) rồi đổ ra sông Bưởi.

Tuyến cắt qua khu liên hợp thể thao đang xây dựng. Tuyến cống chạy dọc dưới vỉa hè đường quy hoạch chính vào khu liên hợp thể thao.

Đây là đoạn cống thu nước của toàn bộ khu vực làng Bái Xuân từ QL.45 đến trục đường trung tâm và là điểm thu nước của các tuyến rãnh: Rãnh dọc phía bên phải QL.45 đoạn qua Thị trấn, T07, T08, T09, T10, T11 nên khẩu độ thoát nước được mở rộng BxH=1,75x1,75 m.

Kết cấu: cống hộp BTCT M250 dày 25 cm đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm.

c) Lưu vực 3 gồm 11 tuyến rãnh, cụ thể:

- Tuyến mương số 13: Tuyến dọc theo phía sau dân cư phía Nam Thị trấn: Tuyến có chiều dài L=297,62 m. Điểm đầu nối vào rãnh tuyến số 05 tại Km0+69,70. Điểm cuối giao với rãnh QL.45 (Km34+593,87).

Tuyến dọc phía sau dân cư bên trái QL.45. Nước của tuyến rãnh được đổ vào rãnh QL.45 qua điểm đầu và điểm cuối.

Tuyến mương được đầu tư nạo vét thông thoáng dòng chảy.

- Tuyến mương số 14: Có chiều dài L=696,75 m. Điểm đầu là khu đất trũng bên trái QL.45 ngầm qua mương tưới. Cuối tuyến dọc vỉa hè qua QL.45 nối vào đầu rãnh tuyến số 22.

Tuyến chạy dọc từ khu đất trũng thị trấn Vĩnh Lộc sang địa phận xã Vĩnh Tiến đến đường ngang bê tông tuyến theo hướng ra QL.45.

Tuyến mương được đầu tư nạo vét thông thoáng dòng chảy.

- Tuyến rãnh số 15: Có chiều dài L=314,79 m. Điểm đầu nối vào đường ngang quy hoạch. Điểm cuối nối vào rãnh tuyến số 16 (km0+155,78). Rãnh thu nước giữa 2 khu dân cư cũ và mới. Rồi đổ vào tuyến rãnh số 16.

Tuyến rãnh được đầu tư nạo vét thông thoáng dòng chảy.

- Tuyến rãnh số 16: Có chiều dài L=869,67 m. Điểm đầu nối vào rãnh dọc đường ngang thôn Đồng Minh. Điểm cuối nối vào mương tiêu số 24 đổ nước về kênh tiêu úng Cầu Mư.

Đoạn từ đầu tuyến đến Km0+160,88, rãnh đi dọc bên phải mép đường hiện có, thiết kế rãnh hộp BTCT đúc sẵn M250, kích thước thông thủy BxH=0,8x0,8 m. Từ Km0+160,88 đến km0+367,90 rãnh đi dọc theo đường bê tông B=3,5 m, thiết kế rãnh hộp chịu lực đi dưới lòng đường. Đoạn còn lại rãnh cắt qua khu ruộng sâu, rãnh có kích thước thông thủy: 1,2x1,2 m. Kết cấu:

+ Rãnh hộp BTCT 0,8x0,8 m (rãnh thường): Thành và đáy rãnh bê tông M250 dày 18 cm, đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm. Tấm đan BTCT M250 dày 12 cm chịu lực.

+ Rãnh hộp BTCT 1,2x1,2 m: BTCT M250 đổ tại chỗ, dày 18 cm, đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm.

+ Mặt đường hoàn trả: Bê tông M250 dày 22 cm, móng ĐDTCT dày 15 cm; chiều rộng trung bình B=3,5 m.

- Tuyến mương số 17: Có chiều dài L=782,64 m, điểm đầu nối vào rãnh dọc bên phải QL.217 (trung tâm Thị trấn). Đoạn đầu Km0 đến Km0+455,38 tuyến song song với tuyến 10 đối diện qua đường tỉnh 522. Điểm cuối nối vào cống hộp 1,0x1,0 m của đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL.217 với QL.45. Rãnh có kích thước thông thủy BxH=0,8x0,8 m.

Kết cấu: BTCT đúc sẵn M250, thành và đáy rãnh bê tông M250 dày 18 cm, đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm. Tấm đan BTCT M250 dày 12 cm.

- Tuyến mương số 18: Có chiều dài L=362,12 m là tuyến mương ngang nối tuyến mương số 20 tại km0+152.31 m đổ mương xây song song với tuyến rãnh 21. Tuyến mương được đầu tư nạo vét sửa sang đắp bờ.

- Tuyến mương số 19: Có chiều dài L=730,37 m. Điểm đầu gần với tường rào xây trường Trung học cơ sở Tây Đô. Điểm cuối nối vào cống hộp 1,0x1,0 m ngang đường trung tâm QL.217 nối QL.45, nước được dẫn ra kênh tiêu số 24. Rãnh có kích thước thông thủy BxH=1,0x1,0 m.

Kết cấu: BTCT đúc sẵn M250, thành và đáy rãnh bê tông M250 dày 18 cm, đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm. Tấm đan BTCT M250 dày 12 cm.

- Tuyến mương số 20: Có chiều dài L=333,36 m. Điểm đầu là đầu cống hộp đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL.217 với QL.45. Điểm cuối là mương tiêu số 24. Đây là đoạn tuyến mương tiêu kết hợp mương tưới. Rãnh có kích thước thông thủy 1,2x1,2 m.

Kết cấu: BTCT M250 đổ tại chỗ, dày 18 cm. đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm.

- Tuyến mương số 21: Có chiều dài L=375,90 m. Điểm đầu nối vào cống hộp Kđ=1,0 m của QL.217 nối QL.45. Điểm cuối cống hộp thiết kế mới mương tiêu số 24 lý trình km0+847,0, tuyến qua nghĩa địa thôn Đồng Minh. Tuyến song

song đối diện qua trục đường với đoạn cuối của tuyến mương số 18, rãnh kích thước thông thủy BxH=1,0x1,0 m;

Kết cấu: BTCT đúc sẵn M250, thành và đáy rãnh bê tông M250 dày 18 cm, đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm. Tấm đan BTCT M250 dày 12 cm.

- Tuyến mương số 22: Có chiều dài L= 588,95 m. Điểm đầu nối vào điểm cuối tuyến rãnh số 8 là mép hè QL.45 lý trình Km33+982. Điểm cuối giao với tuyến rãnh số 23 tại Km0+72,87 m. Tuyến mương được đầu tư nạo vét thông thoáng dòng chảy.

- Tuyến mương số 23: Có chiều dài L=589,94 m. Điểm đầu nối vào đường bê tông chạy dọc theo tuyến mương số 18, điểm cuối là kênh tiêu úng khe Mư. Tuyến mương được đầu tư nạo vét thông thoáng dòng chảy.

- Tuyến mương số 24: Có chiều dài L=1.023,58 m. Điểm đầu tuyến là đầu mương đất thuộc vùng ruộng trũng thôn Đồng Minh, điểm cuối nối vào kênh tiêu úng Cầu Mư. Đây là tuyến mương đất có chiều rộng lòng mương từ 1,5-3,0 m. Mương thu nước của vùng ruộng trũng và các mương ngang số 16, 18, 19, 21 rồi đổ vào kênh tiêu úng khe Mư.

Tuyến mương được đầu tư nạo vét lòng mương, chỉnh trang đắp bờ một số đoạn bị sạt lở.

Trên tuyến có 3 cống bản Kđ=1,0-1,3 m. Riêng cống bản Kđ=1,3 giao với điểm cuối của tuyến rãnh số 21 đã hỏng được thay thế bằng cống bản kđ=1,50 m dài 8 m.

Kết cấu cống: Móng bê tông M150 dày 20 cm đặt trên lớp đá dăm đệm 10 cm. Thành rãnh bê tông M200. Mũ mố, tấm đan BTCT M250.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 42.992.928.000 đồng; trong đó:

- Chi phí BT-GPMB: : 500.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: : 36.314.604.000 đồng;
- Chi phí quản lý Dự án: : 629.991.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: : 2.323.460.000 đồng;
- Chi phí khác: : 635.792.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: : 2.589.081.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

12. Thời gian thực hiện: Năm 2024-2026.

13. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh 27 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Vĩnh Lộc 16 tỷ đồng.

14. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

15. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8793/SXD-HĐXD ngày 13/12/2023.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Giao UBND huyện Vĩnh Lộc theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư thực hiện Dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(HĐXD_TM.12)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vĩnh Lộc và các xã phụ cận, huyện Vĩnh Lộc

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

Đơn vị: Đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH	THÀNH TIỀN
I	Chi phí bồi thường GPMB và TĐC		500.000.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1	36.314.604.000
1	Rãnh + Mương thoát nước + Cổng thoát nước ngang	<i>Diễn giải chi tiết</i>	36.314.604.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (12/2021/TT-BXD)	$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,342\% \times 0,8$	629.991.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		2.323.460.000
1	Chi phí khảo sát+Lập báo cáo NCKT	<i>QĐ số 297/QĐ-BQLDA ngày 05/10/2023 của Ban QLDA huyện Vĩnh Lộc</i>	485.310.000
2	Chi phí giám sát khảo sát bước NCKT		10.371.174
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng		7.641.485
4	Chi phí khảo sát bước lập thiết kế BVTC	<i>Tạm tính</i>	150.000.000
5	Chi phí TK BVTC+DT (12/2021/TT-BXD)	$(G_{XD})^{trước VAT} \times 1,878\%$	681.988.263
6	Chi phí thẩm tra thiết kế (12/2021/TT-BXD)	$(G_{XD})^{trước VAT} \times 0,154\%$	55.924.490
7	Chi phí thẩm tra dự toán (12/2021/TT-BXD)	$(G_{XD})^{trước VAT} \times 0,149\%$	54.108.760
8	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT XL (12/2021/TT-BXD)	$(G_{XD})^{trước VAT} \times 0,256\%$	92.965.386
9	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT TV thiết kế (12/2021/TT-BXD)	$G_{TVTK}^{trước VAT} \times 0,752\%$	5.130.870
10	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT TV giám sát (12/2021/TT-BXD)	$G_{TVTK}^{trước VAT} \times 0,748\%$	5.792.924
11	Chi phí giám sát thi công XD (12/2021/TT-BXD)	$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,132\%$	744.227.358
V	CHI PHÍ KHÁC		635.792.000
1	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu XL (Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP)	$G_{TB}^{trước VAT} \times 0,1\%$	33.624.633
2	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu TV ks + thiết kế	<i>Mức tối thiểu</i>	2.000.000
3	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu TV giám sát thi công	<i>Mức tối thiểu</i>	2.000.000

4	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (TT 04/2019/TT-BXD)	$G_{GS}^{trước VAT} \times 20\%$	143.375.437
5	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư XDCT (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	$TMĐT \times 0,016\% \times 0,75$	5.030.159
6	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,25\%$	90.786.510
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (99/2021/NĐ-CP)	$0,303\% \times 50\% \times TMĐT$	65.220.092
8	Chi phí kiểm toán (99/2021/NĐ-CP)	$0,484 \times TMĐT$	224.824.877
9	Phí thẩm định thiết kế BVTC (TT 27/2023/TT-BTC)	$0,104\% \times G_{xd}$	34.969.619
10	Phí thẩm định dự toán XD (TT 27/2023/TT-BTC)	$0,101 \times G_{xd}$	33.969.619
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		2.589.081,000
1	Chi phí dự phòng yếu tố phát sinh khối lượng	$(G_{XD} + G_{TV} + G_{QLDA} + G_{GPMB} + G_K) \times 4,5\%$	1.790.884.653
2	Chi phí dự phòng yếu tố trượt giá	$(G_{XD} + G_{TV} + G_{QLDA} + G_{GPMB} + G_K) \times 2\%$	798.195.940
	TỔNG CỘNG		42.992.928.000
<i>Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng</i>			